

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

- 건설기계관리법 시행규칙 [별지 제36호서식] <개정 2022. 12. 5.>
■ Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý máy móc thiết bị xây dựng [Mẫu đính kèm số 36] <Sửa đổi 2022. 12. 5.>

건설기계조종사면허증
GIẤY PHÉP ĐIỀU KHIỂN
THIẾT BỊ XÂY DỰNG

[] 발급
[] CẤP MỚI
[] 재발급
[] CẤP LẠI
신청서
ĐƠN
ĐĂNG KÝ

※ []에는 해당되는 곳에 √ 표를 합니다.
※ Đánh dấu “√” vào [] tương ứng.

접수번호 Số tiếp nhận	접수일자 Ngày tiếp nhận	처리기간 Thời gian xử lý	1일 1 ngày
신청인 Người đăng ký	성명 Họ tên	주민등록번호(외국인등록번호) Số chứng minh thư Hàn(Số đăng ký người nước ngoài)	
	주소 Địa chỉ	(전화번호: (Số điện thoại:	))

국가기술자격 Chứng chỉ kỹ thuật quốc gia	종목 및 등급 Hạng mục và cấp bậc	
	등록번호 Số đăng ký	
면허종류 Loại giấy phép		
면허번호 Số giấy phép		
면허증발급일 Ngày cấp giấy phép		
재발급 사유 Lí do cấp lại		

「건설기계관리법」 제26조 및 같은 법 시행규칙 제71조·제77조에 따라 위와 같이 건설기계조종사면허증 []발급, []재발급을 신청합니다.

Tôi xin đăng ký [] cấp mới, [] cấp lại giấy phép điều khiển thiết bị xây dựng như trên theo Điều 26 “Luật Quản lý thiết bị xây dựng” và Điều 71, Điều 77 Thông tư hướng dẫn Luật này.

년 월 일
Năm tháng ngày

신청인
Người đăng ký
전화번호
Số điện thoại

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

시장·군수·구청장 귀하

Kính gửi Thị trưởng, Chủ tịch huyện (gun), Chủ tịch quận (gu)

신청인 제출서류 Hồ sơ người đăng ký nộp	<div>1. 발급의 경우</div> <div>1. Trường hợp cấp mới</div> <div>가. 「건설기계관리법 시행규칙」 제76조제5항에 따른 신체검사서</div> <div>a. Phiếu khám sức khoẻ theo khoản 5 Điều 76 “Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thiết bị xây dựng”</div> <div>나. 소형건설기계조종교육 이수증(소형건설기계조종사면허증을 발급신청하는 경우에 한정합니다)</div> <div>b. Chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo điều khiển thiết bị xây dựng cỡ nhỏ (chỉ áp dụng trong trường hợp đăng ký cấp giấy phép điều khiển thiết bị xây dựng cỡ nhỏ)</div> <div>다. 건설기계조종사면허증(건설기계조종사면허의 종류를 추가하는 경우에 한정합니다)</div> <div>c. Chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo điều khiển thiết bị xây dựng cỡ nhỏ (chỉ áp dụng trong trường hợp đăng ký cấp giấy phép điều khiển thiết bị xây dựng cỡ nhỏ)</div> <div>라. 신청일 전 6개월 이내에 모자 등을 쓰지 않고 촬영한 천연색 상반신 정면사진 (3.5cm×4.5cm) 1장</div> <div>d. 1 ảnh chân dung màu (3,5cm x 4,5cm) phản thân trên không đội mũ, v.v. chụp không quá 6 tháng trước ngày làm đơn</div> <div>2. 재발급의 경우</div> <div>2. Trường hợp cấp lại</div> <div>가. 제1호라목에 해당하는 사진(3.5cm×4.5cm) 1장</div> <div>a. 1 ảnh (3,5cm x 4,5cm) như trong mục 1d</div> <div>나. 건설기계조종사면허증(잃어 못쓰게 된 경우에 한정합니다)</div> <div>b. Giấy phép điều khiển thiết bị xây dựng (chỉ áp dụng trong trường hợp hư hỏng không thể sử dụng)</div>	수수료 2,500원 Lệ phí 2.500won
담당공무원 확인사항 Nội dung cán bộ phụ trách xác nhận	<div>1. 국가기술자격증 정보(소형건설기계조종사면허증을 발급신청하는 경우는 제외합니다)</div> <div>1. Thông tin chứng chỉ kỹ thuật quốc gia (đăng ký cấp giấy phép điều khiển thiết bị xây dựng cỡ nhỏ)</div> <div>2. 자동차운전면허증 정보(3톤 미만의 지게차를 조종하려는 경우로 한정합니다)</div> <div>2. Thông tin giấy phép lái xe ô tô (chỉ áp dụng trong trường hợp điều khiển xe nâng có trọng lượng dưới 3 tấn)</div>	

행정정보 공동이용 동의서

Đơn đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính

본인은 이 건 업무처리와 관련하여 담당 공무원이 「전자정부법」 제36조에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 위의 담당 공무원 확인 사항을 확인하는 것에 동의합니다. *동의하지 아니하는 경우에는 국가기술자격증 사본 또는 자동차운전면허증 사본을 신청인이 직접 제출하여야 합니다.

Để xử lý các công việc liên quan đến đơn này, tôi đồng ý việc cán bộ phụ trách kiểm tra nội dung cán bộ phụ trách xác nhận bên trên thông qua sử dụng chung thông tin hành chính theo Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử”. * Nếu không đồng ý, người đăng ký phải nộp trực tiếp chứng nhận kỹ thuật quốc gia hoặc giấy phép lái xe ô tô.

신청인
Người đăng ký

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

210mm×297mm[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]